		+ Nêu cách tìm số hạng chưa biết?	lấy hiệu cộng với số trừ. - Muốn tìm số hạng chưa biết, ta lấy tổng trừ đi số hạng đã biết. - HS làm bài vào vở. - 2 HS lên bảng chữa bài. - HS nhận xét bài làm của bạn.
3’	**C. Củng cố, dặn dò**	- GV nhận xét kết quả. -GV tổng kết giờ học, dặn HS về nhà huấn bị bài sau.	-HS cả lớp.

Tiết 2: KỂ CHUYỆN
KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE, ĐÃ ĐỌC

I. MỤC TIÊU :

1. Kiến thức: Hiểu câu chuyện và nêu được nội dung chính của truyện.

2. Kĩ năng: Dựa vào gợi ý (SGK), biết chọn và kể lại được câu chuyện đã nghe, đã đọc, nói về lòng tự trọng

3. Thái độ: Tự tin khi kể trước lớp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Giáo viên: Bảng phụ.

2. Học sinh: Chuẩn bị những câu chuyện, tập truyện ngắn nói về lòng tự trọng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
3-5’	**A.Kiểm tra bài cũ**	-Gọi HS kể lại câu chuyện về tính trung thực và nói ý nghĩa của truyện. -Nhận xét HS.	-3 HS kể chuyện và nêu ý nghĩa.
2’	**B. Bài mới** 1. Giới thiệu bài	-Kiểm tra việc chuẩn bị truyện của HS. -Những đức tính: trung thực, tự trong, không tham lam… của con người đều rất đáng quý. Hôn nay lớp ta sẽ thi xem bạn nào kể chuyện về lòng tự trọng mới lạ và hấp dẫn nhất.	-Tổ trưởng báo cáo việc chuẩn bị của các bạn. -Lắng nghe.
10’	2.HD HS kể chuyện a.HD HS hiểu yêu	- GV viết đề bài lên bảng. -Gọi HS đọc đề bài và phân	+ 1 HS đọc đề bài.

	cầu của đề bài	tích đề. -GV gạch chân những từ ngữ quan trọng bằng phấn màu: ***lòng tự trọng, được nghe, được đọc.*** -Gọi HS tiếp nối nhau đọc phần *Gợi ý.* +Thế nào là lòng tự trọng? +Em đã đọc những câu truyện nào nói về lòng tự trọng? +Em đọc câu truyện đó ở đâu?	+1 HS phân tích đề bằng cách nêu những từ ngữ quan trọng trong đề. -4 HS nối tiếp nhau đọc. +Tự trọng là tự tôn trọng bản thân mình, giữ gìn phẩm giá, không để ai coi thường mình. * *Truyện kể về danh tướng Trần Bình Trọng với câu nói nổi tiếng "Ta thà làm giặc nước Nam còn hớn làm vương xứ Bắc"* * *Truyện kể về cậu bé Nen-li trong câu truyện* ***buổi học thể dục*** * *Truyện kể về Mai An Tiêm trong truyện cổ tích* ***Sự tích dưa hấu.*** **Truyện kể về anh Quốc trong truyện cổ tích* ***Sự tích con Cuốc.*** +Em đọc trong truyện cổ tích Việt Nam, trong truyện đọc lớp 4, SGK tiếng Việt 4, xem ti vi, đọc trên báo
20'	b. HS thực hành kể chuyện, trao đổi ý nghĩa câu chuyện	-Yêu cầu HS đọc kĩ phần 3. -GV ghi nhanh các tiêu chí đánh giá lên bảng. -Chia nhóm 4 HS. -Gợi ý cho HS các câu hỏi để hỏi bạn.	-2 HS đọc thành tiếng. -4 HS ngồi 2 bàn trên dưới cùng kể chuyện, nhận xét, bổ sung cho nhau. +Trong câu chuyện tớ kể, bạn thích nhân vật nào? Vì sao? +Chi tiết nào trong chuyện bạn cho là hay nhất? +Câu chuyện tớ kể muốn nói với mọi người điều gì?

		-Tổ chức cho HS thi kể chuyện -Gọi HS nhận xét bạn kể theo các tiêu chí đã nêu. -Tuyên dương HS đoạt giải. -Nhận xét tiết học.	-HS thi kể, HS khác lắng nghe để hỏi lại bạn hoặc trả lời câu hỏi của bạn để tạo không khí hào hứng, sôi nổi trong lớp. -Nhận xét bạn kể. - HS bình chọn: +Bạn có câu chuyện hay nhất. +Bạn kể chuyện hấp dẫn nhất.
3’	**C. Củng cố, dặn dò**	-Dặn HS về nhà kể những câu truyện mà em nghe các bạn kể cho người thân nghe và chuẩn bị tiết sau.	- HS lắng nghe.

Tiết 3: **LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

MỞ RỘNG VỐN TỪ: TRUNG THỰC- TỰ TRỌNG

I. MỤC TIÊU :

1. Kiến thức: Biết thêm được nghĩa một số từ ngữ về chủ điểm trung thực- Tự trọng (BT1, BT2);

2. Kĩ năng: Bước đầu biết xếp các rừ hán Việt có tiếng "trung" theo hai nhóm nghĩa (BT3) và đặt câu được với một từ trong nhóm (BT4).

3. Thái độ: Giáo dục học sinh biết sống trung thực và tự trọng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Giáo viên: Bảng phụ..

2. Học sinh: Từ điển

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
3-5’	**A.Kiểm tra bài cũ**	-Gọi 2 HS lên bảng: 1.Viết 5 danh từ chung. 2. Viết 5 danh từ riêng. -Nhận xét HS.	-2 HS lên bảng thực hiện yêu cầu.
2’	**B. Bài mới** 1. Giới thiệu bài	-Trong giờ luyện từ và câu hôm nay, chúng ta cùng mở rộng và hệ thống hoá các từ ngữ thuộc chủ điểm *Trung thực – Tự trong.*	-Lắng nghe.
30’	2.Hướng		

	dẫn HS làm bài tập ***Bài 1***	-Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung. -Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và làm bài. -Gọi HS làm nhanh lên bảng ghép từ ngữ thích hợp. -Nhận xét kết luận lời giải đúng. -Gọi HS đọc bài đã hoàn chỉnh.	-2 HS đọc thành tiếng. -Hoạt động theo cặp, dùng bút chì viết vào SGK. -Làm bài, nhận xét, bổ sung. -HS chữa bài (nếu sai).
	Bài 2	-Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung. -Tổ chức thi giữa 2 nhóm thảo luận xong trước dưới hình thức: Nhóm 1: Đưa ra từ. Nhóm 2: tìm nghĩa của từ. Sau đó đổi lại. Nhóm 2 có thể đưa ra nghĩa của từ để nhóm 1 tìm từ. -Nếu nhóm nào nói sai 1 từ, lập tức cuộc chơi dừng lại và gọi nhóm kế tiếp. -Nhận xét, tuyên dương các nhóm hoạt động sôi nổi, trả lời đúng. -Kết luận lời giải đúng: +Một lòng một dạ gắn bó với lý tưởng, tổ chức hay người nào đó là: *Trung thành.* +Trước sau như một không gì lây chuyển nổi là*: Trung kiên.* +Một lòng một dạ vì việc nghĩa là:*Trung nghĩa.* +Ăn ở nhân hậu, thành thật trước sau như một là: *Trung hậu.* +Ngay thẳng, thật thà là :*trung thực.*	- 1 HS đọc. - HS đọc và nêu yêu cầu. -HS hoạt động trong nhóm -2 nhóm thi. -2 HS đọc lại lời giải đúng
	Bài 3	-Gọi HS đọc yêu cầu.	-1 HS đọc bài nêu yêu cầu

		-Phát giấy và bút dạ cho từng nhóm. Yêu cầu HS trao đổi trong nhóm và làm bài. -Gọi nhóm làm xong trước dán phiếu lên bảng. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. -Kết luận về lời giải đúng: -Gọi HS đọc lại 2 nhóm từ.	-Hoạt động trong nhóm. - Nhận xét, bổ sung. -Chữa bài (nếu sai) + Trung có nghĩa là "ở giữa": *Trung thu , trung bình, trung tâm* + Trung có nghĩa là "một lòng một dạ": *Trung thành trung nghĩa, trung kiên, trung thực,trung hậu.*
3'	***Bài 4*** **C. Củng cố, dặn dò**	-Gọi HS đọc bài. -Gọi HS khá đặt câu làm mẫu. GV nhắc nhở, sửa chữa từ cho HS. -Nhận xét, tuyên dương những HS đặt các câu hay. -Nhận xét tiết học. -Dặn HS về chuẩn bị bài sau.	- HS đọc bài, nêu yêu cầu. - 2 em lên đặt câu: +Lớp em không có học sinh trung bình. +Đêm trung thu thật vui và lí thú. - HS tiếp nối nhau lên đặt câu.

Tiết 4: TẬP LÀM VĂN
TRẢ BÀI VĂN VIẾT THƯ

I. MỤC TIÊU :

1. Kiến thức: Biết rút kinh nghiệm về bài tập làm văn viết thư (đúng ý, bố cục rõ, dùng từ, đặt câu và viết đúng chính tả...).

2. Kĩ năng: Tự sửa được các lỗi đã mắc trong bài viết yheo sự hướng dẫn của giáo viên

3. Thái độ: Biết viết thư cho người thân, bạn bè.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Giáo viên: Bảng lớp viết sẵn 4 đề bài tập làm văn.

2. Học sinh:

- Phiếu học tập các nhóm có sẵn nội dung.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
15'	1. Trả bài	-Trả bài cho HS. -Yêu cầu HS đọc lại bài của mình. -Nhận xét kết quả làm bài của	-Nhận bài và đọc lại.

		HS. *+Ưu điểm:* * Nêu tên những HS viết bài tốt: Lê Hiếu, Linh, Tuyết, Việt, Minh, Thảo, Hiền.****** * Nhật xét chung về bài cả lớp: Đã xác định đúng kiểu bài văn viết thư, bố cục lá thư, các ý diễn đạt. *+Hạn chế*: Nêu những lỗi sai của HS (không nên nêu tên HS). *Chú ý: GV cần nhận xét rõ ưu điểm hay sai sót của HS vào bài cụ thể. Tránh lời nói làm HS kém xấu hổ, tự ti. GV nên có những lời động viên khích lệ các em cố gắng hơn nữa ở bài sau. Nếu HS không đạt yêu cầu, GV không nên phê bình mà dặn dò các em về nhà viết lại bài để có kết quả tốt hơn. - Một số bài chưa rõ bố cục. - Xưng hô trong bức thư chưa đúng. - Đặt câu văn chưa hay. - Nhiều bài tên riêng còn chưa viết hoa. -	- HS nghe.
22’	2. Hướng dẫn HS chữa bài	-Phát phiếu cho từng HS. *Lưu ý: GV có thể dùng phiếu hoặc cho HS chữa trực tiếp vào phần đề bài chữa trong bài tập làm văn.	-Nhận phiếu hoặc chữa vào vở. +Đọc lời nhận xét củaGV. +Đọc các lỗi sai trong bài, viết và chữa vào phiếu hoặc gạch chân và chữa vào vở. +Đổi vở hoặc phiếu để bạn bên cạnh kiểm tra lại.

		-Đến từng bàn hướng, dẫn nhắc nhở từng HS. -GV ghi một số lỗi về dùng từ, về ý, về lỗi chính tả, mà nhiều HS mắc phải lên bảng sau đó gọi HS lên bảng chữa bài. -Gọi HS bổ sung, nhận xét. -Đọc những đoạn văn hay. -GV gọi HS đọc những đoạn văn hay của các bạn trong lớp hay những bài GV sưu tầm được của các năm trước. -Sau mỗi bài, gọi HS nhận xét. -Nhận xét tiết học. -Dặn HS viết chưa đạt về nhà viết lại và nộp vào tiết sau.	-Đọc lỗi và chữa bài. -Bổ sung, nhận xét. -Đọc bài. -Nhận xét, tìm ý hay.
3’	3. Củng cố, dặn dò		

Thứ sáu ngày 14 tháng 10 năm 20..

Tiết 2: **TOÁN**

PHÉP TRỪ

I. MỤC TIÊU :

1. Kiến thức:

- Nắm được cách thực hiện phép trừ có nhiều chữ số.
- Củng cố kĩ năng giải toán có lời văn bằng 1 phép tính trừ.

2. Kĩ năng: Biết đặt tính và biết thực hiện phép trừ các số có đến sáu chữ số không nhớ hoặc có nhớ không quá 3 lượt và không liên tiếp.

3. Thái độ: Nghiêm túc làm bài.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Giáo viên: Hình vẽ như BT 3 trên Bp, phấn màu.

2. Học sinh: Bảng con

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
3-5’	**A.Kiểm tra bài cũ**	-GV gọi 2 HS lên bảng làm bài tập 4 của tiết 29.	-2 HS lên bảng thực hiện. x –363 = 975 207+ x= 815 x=975 + 363 x = 815 – 207 x = 1338 x = 608
		-GV chữa bài, nhận xét HS.	
	B. Bài mới		
2’	1. Giới thiệu bài	- Phép trừ: Nêu mục tiêu cần đạt của tiết học.	- Nghe.
10’	2.Củng cố kĩ năng làm tính trừ:	-GV viết lên bảng hai phép tính trừ 865279 – 450237 và 647253 – 285749, sau đó yêu cầu HS đặt tính rồi tính.	-2 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào nháp.
		-GV yêu cầu HS cả lớp nhận xét bài làm của hai bạn trên bảng cả về cách đặt tính và kết quả tính.	-HS kiểm tra bài bạn và nêu nhận xét.
		+ Em hãy nêu lại cách đặt tính và thực hiện phép tính của mình ?	-HS nêu cách đặt tính và thực hiện phép tính: 647 253 – 285 749 (như SGK).
		+ Khi thực hiện phép trừ các số tự nhiên ta đặt tính như thế nào ? Thực hiện phép tính theo thứ tự nào ?	-Ta thực hiện đặt tính sao cho các hàng đơn vị thẳng cột với nhau. Thực hiện phép tính theo thứ tự từ phải sang trái.
20’	3.Hướng dẫn luyện tập ***Bài 1***	- Gọi HS đọc bài.	- HS đọc bài.
		- GV yêu cầu HS tự đặt tính và thực hiện phép tính, sau đó chữa bài. Khi chữa bài; GV yêu cầu HS nêu cách đặt tính và thực hiện tính của một số phép tính trong bài.	-2 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở. HS nêu cách đặt tính và thực hiện phép tính: 987 864 839 084 +783 251 + 246 937 204 613 592 147
	Bài 2	-GV nhận xét HS. + Bài yêu cầu gì? + Ta có phải đặt tính không?	+Yêu cầu tính. + Không cần đặt tính mà làm tính theo hàng ngang.
		-GV yêu cầu HS tự làm bài vào bảng con, sau đó gọi 1 HS	-2 em lên bảng thực hiện

		đọc kết quả làm bài trước lớp.	a) 48 600 - 9455= 39145 65 102 - 13859 = 51243 b)839084- 246937= 592147 628450- 35813= 596237
	Bài 3	-GV theo dõi, giúp đỡ những HS kém trong lớp -GV gọi 1 HS đọc đề bài. -GV yêu cầu HS quan sát hình vẽ trong SGK và nêu cách tìm quãng đường xe lửa từ Nha Trang đến Thành phố Hồ Chí Minh.	-HS đọc. -HS nêu: Quãng đường xe lửa từ Nha Trang đến Thành phố Hồ Chí Minh là hiệu quãng đường xe lửa từ Hà Nội đến Thành Phố Hồ Chí Minh và quãng đường xe lửa từ Hà Nội đến Nha Trang.
		-GV yêu cầu HS làm bài. - GV cùng HS chữa bài.	- 1 em lên bảng làm bài. Cả lớp làm vào vở. <u>Bài giải</u> Quãng đường xe lửa từ Nha Trang đến TP. Hồ Chí Minh dài là: 1 730 – 1 315 = 415 (km) Đáp số: 415 km
3’	**<u>C. Củng cố, dặn dò</u>**	-GV tổng kết giờ học, dặn HS về nhà chuẩn bị bài sau.	-HS cả lớp.

Tiết 3: TẬP LÀM VĂN
LUYỆN TẬP XÂY DỰNG ĐOẠN VĂN KỂ CHUYỆN

<u>I. MỤC TIÊU :</u>

1. Kiến thức: - Dựa vào 6 tranh minh hoạ truyện ***Ba lưỡi rìu*** và lời dẫn giải dưới tranh để kể lại được cốt truyện (BT1)

2. Kĩ năng: - Biết phát triển ý nêu dưới 2, 3 tranh để tạo thành 2, 3 đoạn văn kể chuyện (BT2)

3. Thái độ: Giáo dục đức tính trung thực, thật thà.

<u>II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:</u>

1. Giáo viên: Tranh minh họa.

2. Học sinh: Tranh minh hoạ cho truyện trang 46, SGK

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
3-5’	**A.Kiểm tra bài cũ**	-Gọi 1HS kể lại toàn truyện *Hai mẹ con và bà tiên.*	- HS lên bảng thực hiện yêu cầu.
		-Nhận xét HS.	
	B. Bài mới		
2’	1. Giới thiệu bài	-Muốn kể câu chuyện hay, hấp dẫn phải có từng đoạn truyện hay gộp thành. Bài học hôm nay giúp các em xây dựng những đoạn văn kể chuyện hay, hấp dẫn.	-Lắng nghe.
30’	2.Hướng dẫn HS làm bài tập		
	Bài 1	-Gọi HS đọc đề.	-1 HS đọc thành tiếng.
		-Dán 6 tranh minh hoạ theo đúng thứ tự như SGK lên bảng. Yêu cầu HS quan sát, đọc thầm phần lời dưới mỗi bức tranh và trả lời câu hỏi:	-Quan sát tranh minh hoạ, đọc thầm phần lời. Tiếp nối nhau trả lời câu hỏi.
		+Truyện có những nhân vật nào?	+Truyện có 2 nhân vật: chàng tiều phu và cụ già (ông tiên).
		+Câu truyện kể lại chuyện gì?	+Câu truyện kể lại việc chàng trai nghèo đi .... việc mất rìu.
		+Truyện có ý nghĩa gì?	+ Truyện khuyên chúng ta hãy trung thực, thật thà trong cuộc sống sẽ được hưởng hạnh phúc.
		-Câu chuyện kể lại việc chàng trai được tiên ông thử thách tính thật thà, trung thực qua những lưỡi rìu.	-Lắng nghe.
		-Yêu cầu HS đọc lời gợi ý dưới mỗi bức tranh.	-5 HS tiếp nối nhau đọc, mỗi HS đọc một bức tranh.
		+Dựa vào tranh minh hoạ, kể lại cốt truyện *Ba lưỡi rìu.*	-3 HS kể cốt truyện.
		-Nhận xét, tuyên dương những HS nhớ cốt truyện và lơi kể có sáng tạo.	

hoc360.net

	Bài 2	-Gọi HS đọc yêu cầu. -GV làm mẫu tranh 1. GV ghi nhanh câu trả lời lên bảng. +Anh chàng tiều phu làm gì? +Khi đó chàng trai nói gì? +Hình dáng của chàng tiều phu như thế nào? +Lưỡi rìu của chàng trai như thế nào? -Gọi HS xây dựng đoạn 1 của chuyện dựa vào các câu trả lời. -Gọi HS nhận xét. -Yêu cầu HS hoạt động trong nhóm với 5 tranh còn lại. Chia lớp thành 10 nhóm, 2 nhóm cùng 1 nội dung. Tổ chức cho HS thi kể từng đoạn. - GV tổ chức cho nhiều lượt HS thi kể. -Nhận xét sau mỗi lượt HS kể.	- HS tiếp nối nhau đọc. -HS quan sát tranh, đọc thầm ý dưới bức tranh và trả lời câu hỏi: +Chàng tiều phu đang đốn củi thì chẳng may lưỡi rìu văng xuống sông. +Chàng nói: "Cả gia tài nhà ta chỉ có lưỡi rìu này. Nay mất rìu không biết làm gì để sống đây." +Chàng trai nghèo, ở trần, đóng khố, người nhễ nhại mồ hôi, đầu quấn một chiếc khăn màu nâu. +Lưỡi rìu sắt của chàng bóng loáng. -2 HS kể đoạn 1. -Nhận xét lời kể của bạn. -Hoạt động trong nhóm: 1 HS hỏi câu hỏi cho các thành viên trong nhóm trả lời, thư kí ghi câu trả lời vào giấy. Sau đó trong nhóm cùng xây dựng đoạn văn theo yêu cầu được giao. -Mỗi nhóm cử 1 HS thi kể một đoạn.
3'	**C. Củng cố, dặn dò**	+ Câu chuyện nói lên điều gì? Nhận xét tiết học. -Dặn HS chuẩn bị bài sau.	+ Truyện khuyên chúng ta hãy trung thực, thật thà trong cuộc sống sẽ được hưởng hạnh phúc.

Tiết 4: SINH HOẠT LỚP
GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG
Bài 6 AN TOÀN KHI ĐI TRÊN CÁC PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CÔNG CỘNG

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

-HS biết các nhà ga, bến tàu, bến xe, bến phà, bến đò là nơi các phương tiện giao thông công cộng (GTCC) đỗ, đậu để đón khách lên, xuống tàu, xe, thuyền , đò…

- HS biết cách lên xuống tàu, xe, thuyền… một cách an toàn.

-HS biết quy định khi ngồi ô tô con, xe khách, trên tàu…

2.Kĩ năng:

- Có kĩ năng và các hành

- Có ý thức thực hiện đúng các vi đúng khi đi trên các PTGTCC như: xếp hàng khi lên xuống, bám chặt tay vịn, thắt dây an toàn…

3. Thái độ:

-Thực hiện tốt các quy định khi đi trên các PTGTCC để đảm bảo an toàn cho bản thân và cho mọi người .

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Giáo viên : Tranh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
3’	**A.Kiểm tra bài cũ**	- Gọi HS kể tên các loại phương tiện GTĐT -Cho HS kể tên các biển báo hiệu GTĐT	HS trả lời
	B. Bài mới	-GV nhận xét,	
3’	**Hoạt động 1**: Giới thiệu bài	- GV giới thiệu bài và ghi đầu bài	-Nghe và ghi bài
13’	**Hoạt động 2**: Giới thiệu nhà ga, bến tàu, bến xe.	+Trong lớp ta, những ai được bố mẹ cho đi chơi xa, được đi ô tô khách, tàu hoả hay tàu thuỷ ?	-HS trả lời theo thực tế của mình.
		+Bố mẹ đã đưa em đến đâu để mua vé lên tàu hay lên ô tô? +Người ta gọi những nơi ấy là gì?	-Bến tàu, bến xe, sân ga…
		-Cho HS liên hệ kể tên các nhà ga, bến tàu, bến xe mà HS biết.	HS liên hệ và kể.
15’		+Ở những nơi đó có những có chỗ dành cho những người chờ đợi tàu xe, người ta gọi đó là gì ?	Phòng chờ

		+Chỗ bán vé cho người đi tàu gọi là gì? GV: Khi ở phòng chờ mọi người ngồi ở ghế, không nên đi lại lộn xộn, không làm ồn,nói to làm ảnh hưởng đến người khác.	-Phòng bán vé.
	Hoạt động 3: Lên xuống tàu xe.	-GV gọi HS đã được bố mẹ cho đi chơi xa, gợi ý để cho các em kể lại chi tiết cách lên xuống và ngồi trên các phương tiện GTCC. -GV cho HS nêu cách lên xuống xe khi đi các phương tiện GTCC như: đi xe ô tô con, xe buýt, xe khách, tàu hoả, đi thuyền, ca nô… + Khi lên xuống xe chúng ta phải làm như thế nào?	HS kể. -HS nêu: lên xuống xe ở phía tay phải… -Chỉ lên xuống tàu, xe đã dừng hẳn. -Khi lên xuống phải tuần tự không chen lấn, xô đẩy.
	Hoạt động 4: Ngồi trên tàu xe.	-GV gọi HS kể về việc ngồi trên tàu, trên xe, GV gợi ý: -Có ngồi trên ghế không? -Có được đi lại không? -Có được quan sát cảnh vật không? -Mọi người ngồi hay đứng?	HS kể …
3’	**C. Củng cố, dặn dò**	-GV cùng HS hệ thống bài -GV dặn dò, nhận xét	

hoc360.net